TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26/12/2023
Về " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Mai Thị Thu Trang
2/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ma Thị Q, Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện R, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa (Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/10/2023).

Bị đơn: Ông Trần Hùng F, Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa (Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/11/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2023, Bản tự khai và Bản tự khai bổ sung ngày 16/10/2023, nguyên đơn bà Ma Thị Q trình bày:

Bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 07/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã P), huyện R, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm, không yêu thương nhau nên không có hạnh phúc. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn rất trầm trọng nên từ năm 2019 đến nay bà Q và ông F sống ly thân. Vì vậy bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông F.

Về con chung: Bà Q và ông F có 01 con chung là cháu Trần Thanh U, sinh ngày 20/10/2017 hiện nay khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, đang sinh sống ổn định cùng ông F tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Bà Q yêu cầu được nuôi con, nhưng ông F cũng có nguyện vọng được nuôi con nên bà Q đồng ý giao con cho ông F nuôi dưỡng, bà Q không cấp dưỡng cho con.

Bà Q và ông F không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 30/10/2023, bị đơn ông Trần Hùng F trình bày:

Ông F và bà Ma Thị Q đăng ký kết hôn tại xã H, huyện R, tỉnh Bắc Kạn ngày 07/10/2016. Vợ chồng không hợp nhau, hoàn cảnh ở xa nhau không chăm lo được cho nhau nên không còn tình cảm với nhau, đã ly thân từ năm 2020. Nay bà Q yêu cầu ly hôn, ông F đồng ý.

Ông F và bà Q có 01 con chung là cháu Trần Thanh U, sinh ngày 20/10/2017 hiện nay khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu U nhưng ông F không đồng ý, vì từ khi ly thân đến nay ông F trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, hiện nay cháu U khỏe mạnh, ông F có việc làm ổn định, có khả năng nuôi con, bà Q là người khuyết tật không có khả năng nuôi con. Ông F yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung ông F không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp Tòa án: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; Bản sao căn cước công dân của nguyên đơn; Bản sao Giấy khai sinh con chung; Bản phô tô Hộ khẩu ông Trần Hùng F (Hộ Trần Đình V); Bản tự khai; bản tự khai bổ sung.

* Tài liệu, chứng cứ của bị đơn đã nộp Tòa án: Bản phô tô căn cước công dân của bị đơn; Bản tự khai.

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Ma Thị Q- trú tại thôn V, xã P, huyện R, tỉnh Bắc Kạn và bị đơn ông Trần Hùng F- trú tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã P), huyện R, tỉnh Bắc Kạn; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 07/10/2026 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không chăm lo cho nhau. Đến nay bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F đều xác nhận không thể tiếp tục chung sống, bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông F đồng ý.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Ma Thị Q yêu cầu ly hôn ông Trần Hùng F là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[4] Bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F có một con chung là cháu Trần Thanh U, sinh ngày 20/10/2017 khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, đang sinh sống ổn định cùng ông F tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Ông F yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng cho con. Bà Q đồng ý giao cho ông F nuôi dưỡng con, bà Q không cấp dưỡng cho con.

Xét thấy việc giao người nào trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung sau ly hôn phải căn cứ vào điều kiện, khả năng của người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con, đảm bảo cho con được nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt nhất về mọi mặt. Hiện nay cháu ông F đang trực tiếp nuôi con chung và cháu Trần Thanh U được nuôi dưỡng rất tốt. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu về nuôi con chung của các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao ông F trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu cháu Trần Thanh U, sinh ngày 20/10/2017, bà Q không phải cấp dưỡng cho con.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Q, ông F có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5] Bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà Ma Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Ma Thị Q.

1. Về hôn nhân: Bà Ma Thị Q được ly hôn ông Trần Hùng F.

2. Về con chung:

Giao ông Trần Hùng F trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu cháu Trần Thanh U, sinh ngày 20/10/2017; bà Ma Thị Q không phải cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Ma Thị Q, ông Trần Hùng F có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ma Thị Q và ông Trần Hùng F không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4.Về án phí: Bà Ma Thị Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp

theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002358 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Ma Thị Q đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng